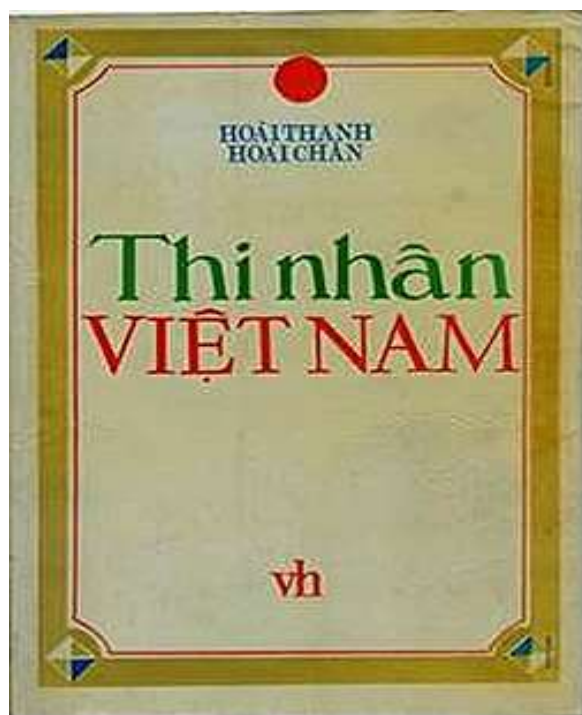


ĐỌC LẠI THI NHÂN VIỆT NAM CỦA HOÀI THANH – HOÀI CHÂN

Song Nhị

18.06.2015



Hai tác giả Hoài Thanh – Hoài Chân biên soạn quyển Thi Nhân Việt Nam cách đây đúng 75 năm. Ngày đó, thế hệ chúng tôi còn là những đứa trẻ chập chững, nhiều lắm thì cũng chỉ mới mon men vào mấy trường “măng non, hoặc tiểu học”, ở các nơi thành thị hay thôn xóm. 75 năm chúng tôi lớn lên, mang theo sách vở từ trường học đi vào đời, hình như luôn luôn có bên mình người bạn đồng hành “Thi Nhân Việt Nam” (TNVN).

Thế hệ sinh ra năm, bảy năm, trước và sau Thế Chiến Thứ Hai, chưa đủ tuổi đời và hiểu biết để nhận thức được sự đổi thay kỳ diệu trong cuộc sống của toàn xã hội lúc bấy giờ.

I./ Hoài Thanh – thời kỳ văn học tự do nhân bản.

Tác giả “Thi Nhân Việt Nam”, khi biên soạn tác phẩm này đã ở vào tuổi “tam thập nhi lập”, đã đủ kiến thức để tiếp thu luồng gió mới từ trời Tây thổi đến, làm thay đổi mọi trật tự và nếp sống, thay đổi lề thói, tầm nhìn và lối suy nghĩ của con người Việt Nam ở đầu thế kỷ hai mươi.

Cuộc “Âu hóa” đó, theo tác giả đã trải dài trong sáu mươi lăm năm, “kể từ ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên đất Việt, mang theo những thứ hàng hóa phương Tây, để sau này nảy nở thành Thơ Mới”.

Sáu mươi lăm năm, cuộc Âu hóa, không những làm thay đổi tập quán người Việt, mà còn làm thay đổi cả tư tưởng và nhịp rung cảm trong tâm hồn người dân bản xứ. Theo tác giả, một trong những “biến thiên vĩ đại”, đó khởi đi từ khi Việt Nam sáp nhập vào đế quốc Pháp, từ hồi Trịnh Nguyễn phân tranh...

Sáu mươi năm mà tưởng chừng như sáu mươi thế kỷ, luồng gió mới phương Tây thấm nhập, đến một lúc văn học Việt Nam tiếp thu trào lưu Thơ Mới, cùng lúc đoạn tuyệt với văn điệu,

niêm luật nghiêm khắc, gò bó của Đường thi, một thể thơ đã từng dự phần quyết định kết quả thành bại trên đường đời của thí sinh trong các kỳ khoa cử.

Sau một thời gian dài, cả đến mười năm tranh giành quyết liệt quyền sống giữa thơ cũ và thơ mới, đến đầu thập niên 30s, từ 1932-1941, thơ mới chiếm lĩnh thi đàn, với những tên tuổi Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Cận, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Xuân Diệu....

Trong “Tuyển Tập Hoài Thanh”, tác giả TNVN có nói rõ, ông rất say mê Thơ Mới ngay từ khi thơ mới ra đời. Thơ Mới hầu như là “thú vui duy nhất” của ông thời bấy giờ. Chính nhờ sự say mê đó nên trong tủ sách văn học mới có tác phẩm TNVN – một cuốn sách sưu tập và nhận định thơ của 46 thi nhân, thường được gọi là các nhà thơ tiền chiến.

Quyển TNVN do Hoài Chân xuất bản lần đầu (không nói rõ vào năm nào). Quyển sách này không được phổ biến tại miền Bắc. Mãi gần hai mươi năm sau, đầu năm 1960 trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội mới cho in bản ronéo, làm tài liệu tham khảo cho Sinh viên. Trong khi tại miền Nam, TNVN được giới trẻ, SVHS và người yêu thơ ưa chuộng. Năm 1968, NXB Hoa Niên in lại tại Sài Gòn. Các tờ báo văn nghệ ở Sài Gòn suốt hai thập niên 50s và 60s thường trích đăng thơ của các tác giả trong TNVN. Năm 1985, NXB Đông Nam Á in lại TNVN ở Paris. Bản chúng tôi hiện có do NXB Văn Học, Hà Nội, in năm 1992.

2. Đọc lại nội dung Thi Nhân Việt Nam.

Thi Nhân Việt Nam quy tụ 46 nhà thơ, với tất cả 169 bài thơ của các tác giả được trích dẫn và bình giải.

46 nhà thơ trong sách được đưa vào theo thứ tự: Tản Đà, Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Lan Sơn, Thanh Tịnh, Thúc Tề, Huy Thông, Nguyễn Vỹ, Đoàn Phú Tứ, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh, Yến Lan, Phạm Hài, Xuân Tâm, Thu Hồng, Bằng Bá Lân, Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê, J. Leiba, Thái Can, Vân Đài, Đỗ Huy Nhiệm, Lưu Kỳ Linh, Nguyễn Giang, Quách Tấn, Phan Khắc Khoan, Thâm Tâm, Phan Thanh Phước, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Phan Văn Dật, Đông Hồ, Mộng Tuyết, Nguyễn Xuân Huy, Hằng Phương, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Mộng Huyền, Nguyễn Đình Thu, T.T.K.H, Trần Huyền Trân.

Trước hết, chúng ta hãy đọc, hãy nghe những gì Hoài Thanh nói, Hoài Thanh “nhỏ to” với độc giả trong bài bạt cuối sách. Như phần đông những người làm công việc thực hiện một tuyển tập thơ, tác giả TNVN cũng bực bực, phân trần về những trách móc, chê bai về các nhà thơ được đưa vào sách, về nội dung thơ trích dẫn. Người ta đàm luận bài hay, bài dở, trích nhiều, trích ít, kẻ khen, người chê... Hoài Thanh phải thốt lên “biết làm sao chiều được tất cả mọi người”.

Tác giả thú nhận, có những nhà thơ có tài, mà vì lẽ này hay lẽ khác, tác giả không thể nói đến. Cũng có những bài thơ hay, không thể trích được. Tác giả TNVN không nói rõ lý do.

Trong bài bạt “tâm sự nhỏ to”, Hoài Thanh cho rằng với hơn 40 người có thơ trích sách, rồi ra, may mắn lắm có 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế.

Đọc được những chi tiết này, người đọc mới biết tại sao THVN lại có sự khập khiễng về tác phẩm (thơ) và tác giả (nhà thơ) được lựa chọn đưa vào sách.

Sau 75 năm, qua công luận và sự sàng lọc, đào thải của thời gian, chúng tôi xin tạm đưa ra một sự “sắp xếp” các nhà thơ trong TNVN như sau:

1./ Những nhà thơ nổi bật “vượt thời gian đi vào quần chúng và văn học gồm có:

Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Quách Tấn,

2./ Những nhà thơ được các tạp chí văn nghệ miền Nam (VNCH) phổ biến một hay vài ba bài thơ có giá trị văn học. Trong số này có: Vũ Đình Liên với bài “Ông Đồ Già”, Thanh Tịnh với bài “Mòn Mỏi”, Nguyễn Vỹ, với bài “Gửi Trương Tửu”, Tế Hanh với bài “Vu Vơ”, Thái Can với bài “Anh biết em đi”, Thâm Tâm với “Tổng Biệt Hành”, Nguyễn Nhược Pháp với bài “Chùa Hương”, T.T.K.H với “bài thơ thứ nhất”, “hai sắc hoa ti gôn”, Bài thơ đan áo”,

3./ Các nhà thơ khác trong sách còn lại, hầu như ít được nhắc tới trên thi đàn gồm có: Lan Sơn, Thúc Tề, Huy Thông, Đoàn Phú Tứ, Yến Lan, Phạm Hầu, Xuân Tâm, Thu Hồng, Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Bích Khê, J. Leiba, Vân Đài, Lưu Kỳ Linh, Nguyễn Giang, Phan Khắc Khoan, Phan Thanh Phước, Phan Văn Dật, Mộng Tuyết, Nguyễn Xuân Huy, Hằng Phương, Mộng Huyền, Nguyễn Đình Thư, Trần Huyền Trân.

Riêng các nhà thơ Đông Hồ, Bàng Bá Lân ở miền Nam được nhiều người biết đến, có tên tuổi, nhưng ít ai nghe biết, hoặc nhớ tên những bài thơ nào của các tác giả này.

3. Hoài Thanh – thời kỳ văn học Marxist.

Sau ngày 30-4-1975, một số nhà thơ thành danh từ miền Bắc đã có cơ hội vào Sài Gòn tìm hiểu nền báo chí, văn học của VNCH, họ đã mở mắt mà nhận ra giá trị đích thực của nền văn học nhân bản tại miền Nam. Nguyễn Tuân, trong chỗ riêng tư đã nói lời thú nhận “chúng tôi sống được là nhờ biết sợ”.

Hoài Thanh, giữ các chức vụ Tổng thư ký Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Viện phó viện văn học và chủ nhiệm tuần báo Văn nghệ cho đến đầu năm 1975. Hoài Thanh đã vào miền Nam sau tháng tư bảy lăm. Có lần ông vào trại tập trung cải tạo Long Thành nói chuyện với tập thể sĩ quan viên chức chính phủ VNCH bị tập trung tại đây (trong số có người viết). Khác với giọng điệu của những cán bộ “giảng viên” hạ cấp, Hoài Thanh không đả động gì đến giới văn nghệ sĩ miền Nam, không như nhà cầm quyền cộng sản lúc bấy giờ kết án gởi cầm bút miền Nam là “những tên lính xung kích của đế quốc Mỹ trên mặt trận văn hóa”.

Hoài Thanh kể chuyện những lần “gần gũi bác”, nói chuyện bâng quơ nhiều hơn là tuyên truyền hạ sách. Chắc chắn ông biết cử tọa, dù là người tù, đang ngồi nghe là ai, thành phần nào.

Đọc TNVN, ấn bản 1992, NXB Văn Học Hà Nội, người ta nhận ra con người Hoài Thanh một thời từng “say thơ như say người”, một thứ “tình say không thể nào dứt ra được”, thế mà sau sáu năm đi theo đảng, Hoài Thanh đã không còn là Hoài Thanh, từng xem thơ mới là nơi trú ngụ của tâm hồn. Ông mạnh mẽ phủ nhận tác phẩm, lên án đưa con tinh thần của mình. Hoài Thanh đã tự phê, đã tự kết tội việc biên soạn quyển sách, một thời bằng tất cả đam mê, là một việc làm tiếp tay với giặc.

Theo Từ Sơn (*) trong chương “Nhìn lại thơ cũ 1932 – 1945, ở quyển “Nói chuyện Thơ Kháng chiến”, Hoài Thanh viết:

“Xét về phương diện khách quan thì ngày trước hay bây giờ, những câu thơ buồn nản hay thơ mộng vẫn vơ cũng đều là đồng minh của giặc. Giặc chỉ có thể xây dựng cơ đồ của chúng trên phần bạc nhược của con người thì chúng nó mới có khả năng làm giặc.”

Tám năm sau, năm 1959, sau vụ Nhân Văn, Giai Phẩm, Hoài Thanh lại viết: “Thơ lãng mạn tiểu tư sản có thể xem là một sức phá hoại, vừa phá hoại chế độ thực dân phong kiến vừa phá hoại nhiệt tình cách mạng. Trong thơ lãng mạn tiểu tư sản, vẫn có một thứ lòng tin mà bọn thống trị cũ dựa vào, tức là lòng tin rằng cuộc đời là thế, không thể thay đổi được. Nhưng bọn thống trị cũ dựa lòng tin thì ít, vào võ lực thì nhiều...”

Tháng 11-1962, trong một đề cương nói chuyện về thơ mới, Hoài Thanh viết: “Mọi người đồng ý trong thơ mới 1930 – 1945 có nhân tố tích cực và nhân tố tiêu cực...” và lại phải thò thêm một câu: “Tôi vẫn nghĩ tiêu cực là chính”.

Tháng 11- 1964, e sợ hai năm trước nhìn nhận thơ mới cũng có “nhân tố tích cực”, là một thái độ xét lại, Hoài Thanh lại viết trong “Một vài ý kiến về phong trào thơ mới”, với luận điệu: “Nhìn chung thơ mới chìm đắm trong buồn rầu, điên loạn, bế tắc. Đó là chưa nói đến phần hiển nhiên là sa đọa. Nguy hiểm nhất là nó lại tạo ra một thứ say sưa trong đó. Hình như không buồn rầu, không điên loạn, không bế tắc thì không hay..”

Tháng 8- 1977, hai năm sau ngày Hoài Thanh vào miền Nam, biết được giới trẻ Sài Gòn và nửa nước vẫn trân trọng và ưa thích thơ mới, vẫn chấp nhận TNVN, một tác phẩm ra đời trước ngày đất nước chia đôi, miền Bắc đặt dưới sự cai trị hà khắc của CSBV, ông bắt đầu “đổi giọng”, mà cho rằng: “Trong Thi Nhân Việt nam không có bài thơ nào là phản động và nói chung cũng không phải là thơ đòi trụy. Chẳng những thế, có không ít bài thơ rất đậm đà phong vị quê hương, rất có tình với đất nước, rất tha thiết yêu đời...”

Hoài Thanh nhìn lại “đứa con” của mình, vẫn thương yêu vô hạn, nhưng vì “phải biết sợ” để sống (như lời tự thú của Nguyễn Tuân), nên ông lại quanh co:

“Ngày nay hòa bình đã lập lại, hoàn cảnh đã đổi khác. Trong hoàn cảnh mới, nên chẳng nhìn Thi Nhân Việt Nam một cách khác? Tôi nghĩ chúng ta sẽ tiếp tục trân trọng phần hay, phần đẹp trong thơ mới như ta vẫn nhận định trước đây. Nhưng phần ấy không phải là phần chính. Phần chính là thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng...”

Ngoài những bài viết tự phê phán, tự lên án gay gắt của chính tác giả trong suốt 30 năm, không có một tài liệu nào cho thấy có những bài lý luận, phê bình của các nhà văn miền Bắc viết về Hoài Thanh và TNVN, mãi cho tới ngày sau khi Hoài Thanh qua đời, nhà văn Đặng Thái Mai mới có một bài viết trên báo Văn Nghệ, số ra ngày 10-4-1982, nhận định:

“...Tác phẩm đáng nói trong những năm 1930 – 1945 có phần chắc là cuốn Thi Nhân Việt Nam, cộng tác với Hoài Chân. Chúng ta còn nhớ rằng dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mac-Lênin, tác giả đã tự phê bình rất nghiêm khắc...”

Thì ra như thế, dưới học thuyết Mac Lê, con người phải biến dạng từ trong suy nghĩ, tình cảm, tư tưởng để thể hiện hành động của một con người máy, phục vụ chế độ chính trị.

Nhận định này đã được Từ Sơn trình bày trong “Lời Cuối sách” (*).

4. Lời Cuối Sách của Từ Sơn (*)

Lời cuối sách là một bài viết ghi lại hành trình suốt một đời người của Hoài Thanh đi theo thơ mới, từ say mê đến ân hận, từ trần trở đến nhập nhằng lựa chọn, giữa chính trị phục vụ chế độ và văn chương nghệ thuật.

Từ Sơn viết: “Nhân đây có lẽ cũng nên tìm hiểu xem vì sao Hoài Thanh có cái nhìn nghiêm khắc với thơ mới và nhất là tự phê phán Thi Nhân Việt Nam một cách quá nghiêm khắc như thế.”

Điều hiển nhiên, “dưới ảnh hưởng của tư tưởng Mac-Lênin”, thành phần trí thức tiểu tư sản phải bị đào thải, hoặc phải được cảm hóa để phục vụ chủ trương bạo lực cách mạng.

Trong cuộc “tranh luận nghệ thuật” vào những năm 1935-1936, Hoài Thanh bị xem là thuộc trào lưu lãng mạn tiểu tư sản, thuộc phái nghệ thuật vị nghệ thuật, không theo quan điểm Mac xít về văn học nghệ thuật. Hoài Thanh đã phải tự khai và tự phê bình “một cách nghiêm túc và thành thật”. Hoài Thanh đã bị tẩy não, khi chính ông đã thú nhận trong tác phẩm “Tuyển Tập Hoài Thanh”:

“hồi ấy chúng tôi bị lay dữ... chúng tôi không phải không dụi mắt một ít. Nhưng rồi chúng tôi lại nhắm nghiền mắt lại, một phần vì tự ái, nhưng phần chính là vì tâm trí hãy còn mê”.

Tuy vậy, Hoài Thanh vẫn cố níu lấy tâm tưởng của mình về thơ mới, về quan niệm “con người muôn thuở, văn chương muôn thuở”, mà đối với ông có sức quyến rũ rất ghê và rất có giá trị... Tác giả TNVN đã bị dẫn vật cả một chặng đường dài, để từ “tỉnh một nửa, đến tỉnh hẳn”. Đến một lúc Hoài Thanh nhìn nhận sai lầm lớn nhất trong đời, trước tháng Tám 1945 là “thoát ly cách mạng, lấy văn chương làm nơi lánh nạn, vùi đầu vào chuyện không đâu để trốn tránh trách nhiệm...”

Và đây là lúc Hoài Thanh đã thực sự bị tẩy não, Hoài Thanh kiên quyết phủ nhận con người cũ của mình. Có lúc Hoài Thanh đã cúi đầu nhận tội trước đảng CSVN về quãng đời trai trẻ của mình, một sự tự buộc tội, có vẻ là... “bị bức cung”:

“Trong tuổi thanh niên, tôi không phải không cảm thấy cái nhục làm nô lệ cho giặc ngoại xâm, tôi cũng muốn cất đầu lên. Bị giặc đập xuống, tôi mất tinh thần nhưng vẫn chưa chịu cúi đầu hẳn. Tôi vẫn muốn cất đầu lên thấp hơn lần trước một ít. Nhưng cứ mỗi lần cố cất đầu lên thì lại bị chúng nó đập xuống sâu thêm một tầng nữa. Và cứ thế cho đến lúc tôi không còn đủ sức cất đầu lên nữa...” (lý lịch khai trong học tập bảo vệ đảng, ngày 24-5-1970 – di cảo viết tay).

Người đọc, không ai hiểu Hoài Thanh đã “cố cất đầu lên” như thế nào, và đã bị “giặc ngoại xâm đập xuống” ra sao. Tôi thấy trong thời kỳ cải cách ruộng đất không có người địa chủ nào tự nhận tội như Hoài Thanh của TNVN.

Thi Nhân Việt Nam, như nhận định của nhà văn Đặng Thái Mai, “... tập sách chưa thể nói là đã có một lập trường vững chắc và phương pháp biên soạn chưa phải là đã thật sự khoa học, cách đánh giá các tác phẩm thơ xuất bản trong mười năm 1930 – 40 cũng đang dành phần đất khá rộng để thảo luận. Người viết sách rõ ràng đã bị giới hạn về nhiều phương diện trong khi trình bày một tập văn tuyển khá phức tạp như vậy...” (tạp chí Văn Nghệ, 10.4.1982).

Thi Nhân Việt Nam, tự thân là một tác phẩm văn học, và cái công của Hoài Thanh, Hoài Chân là đã tuyển chọn được số đông những nhà thơ của một trào lưu đổi mới trong thi ca Việt Nam. Tác phẩm này đã là nguồn cảm hứng cho giới văn nghệ sĩ và những người yêu thơ qua mấy thế hệ từ thập niên 40 đến nay.

Xét về nội dung, khi thực hiện tác phẩm TNVN, Hoài Thanh cho rằng: “chừng 40 người có thơ trích trong quyển này, may mắn ra 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế!”.

Bảy mươi lăm năm sau cho thấy, không phải chỉ có 4 người, mà có đến hơn 14 người tên tuổi đi vào văn học: Xuân Diệu, Cù Huy Cận, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Quách Tấn.

Hoặc được hậu thế nhắc nhở như Vũ Đình Liên, Thanh Tịnh, Nguyễn Vỹ, Tế Hanh, Thái Can, Thâm Tâm, Nguyễn Nhược Pháp, T.T.K.H.

Cũng như tất cả mọi cuộc “thi tuyển” hoa hậu, chạy đua Marathon, phải có một số người “làm sàn” cho những tài năng nổi bật xuất hiện, trong TNVN đã có khoảng 30 nhà thơ được chọn “làm sàn”. Cho đến 75 năm sau nhiều tên tuổi này hầu như còn xa lạ, thậm chí chưa hề hay biết tới.

Một góc nhìn khác về nội dung TNVN, những “lời bình” về tác giả và những bài thơ trích đăng, có những lời bình rất thấu đáo, có những lời bình hơi sơ sài, có lẽ do từ sự cảm xúc của người đọc thơ, bình thơ... nhưng nói chung những lời bình ấy có thể gọi là những bài văn thấu đạt.

Riêng bài tựa “Một Thời Đại Trong Thi Ca” của tác giả Hoài Thanh là một tiểu luận được trình bày rất công phu, có giá trị văn học cao và với giọng văn thu hút.

Có lẽ quyển sách này được biết đến nhiều nhất, rộng rãi nhất, không phải ở miền Bắc, “quê hương” của tác phẩm mà là ở miền Nam, sau năm 1954, khi đất nước chia đôi, dưới hai thể chế chính trị Quốc Gia và Cộng sản.

Bài viết này, như tựa đề, chúng tôi chỉ làm công việc đọc lại một tác phẩm văn học được lưu hành từ hai phần ba thế kỷ qua. Đọc để tìm về với những nhà thơ một thời làm say đắm mấy thế hệ tuổi trẻ yêu thơ. Đọc để nhìn nhận được lòng say mê nhiệt thành thơ mới và tâm huyết của tác giả TNVN ở thời kỳ văn nghệ tự do nhân bản. Đọc để chia sẻ và thông cảm với Hoài Thanh, đã trải qua gần cả cuộc đời, đã phải chịu đựng những hành hạ, nhục nhằn khi phải phủ định tác phẩm của mình, đến cuối đời vẫn chưa nói lên được nỗi ấm ức vào giờ phút lâm chung.

(*) Từ Sơn, Lời Cuối Sách.

“Lời Cuối Sách” của Từ Sơn là một tiểu luận, đúc kết khá đầy đủ quá trình biên soạn TNVN và những hệ lụy suốt một đời người của tác giả quyển sách này. Sau khi trình bày khá cặn kẽ những gì Hoài Thanh nói, Hoài Thanh viết, những lời dằn dò, những di cảo của Hoài Thanh, Từ Sơn mới cho biết, ông chính là con trai của tác giả Thi Nhân Việt Nam.

Từ Sơn hình như là người luôn luôn chia sẻ những vui buồn với cha mình, trước những diễn biến dưới một “thời đại” thi ca đổi mới, mà những áp lực chính trị đã hủy hoại lòng nhiệt thành hăm hở của Hoài Thanh, biến ông thành một kẻ “nửa đời sau lại vị người ngồi trên”. Và khi tỉnh lại sau cơn mê thời thế, để thấy tất cả những gì Hoài Thanh gầy dựng đã tan vào hư vô, như đoạn thơ chân dung của Xuân Sách mô tả Hoài Thanh:

*Vị nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên
Thi nhân còn một chút duyên
Lại vò cho nát lại lèn cho đau*

*Bình thơ tới thưở bạc đầu
Vẫn chưa thể tắt nỗi câu nhân tình
Giật mình mình lại thương mình
Tàn canh tỉnh rượu bóng hình cũng tan.*

Song Nhi

California 2/2015

Nguồn: <https://damau.org/37278/doc-lai-thi-nhan-viet-nam-cua-hoai-thanh-hoai-chan>

Kính mời đọc thêm những bài khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/SongNhi.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info

TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MẠNG VỚI HƠN 12000 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC